

Số: 589 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 28 tháng 3 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Khu dân cư Đại Nam, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định hệ thống ký hiệu bản vẽ trong hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Đại Nam, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 391/TTr-SXD ngày 13/3/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Đại Nam, xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành với nội dung như sau:

1. Điều chỉnh tăng quy mô diện tích quy hoạch từ 967.041,0m² lên thành 967.069,5m² cho phù hợp với số liệu đo đạc địa chính.

2. Điều chỉnh hướng tuyến đường dây của Trạm 110KV đoạn đầu tuyến từ đi vuông góc với trục đường 16 sau đó đi về hướng Đông, nay chuyển thành đi lệch với trục đường 16 (góc khoảng 45⁰) sau đó đi về hướng Đông; đồng thời, điều chỉnh số lô đất ở của cụm B1-17 giảm từ 17 lô xuống còn 12 lô và tăng diện tích cây xanh cụm CX5 từ 840m² lên thành 1.754m².

Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

STT	Loại đất	Trước khi điều chỉnh		Sau khi điều chỉnh	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	ĐẤT Ở	578.414,89	59,81	578.223,2	59,79
1	Đất nhà phố liên kế	231.989,24		232.611,6	
2	Đất ở biệt thự	249.908,55		248.903,5	
3	Đất nhà ở xã hội	96.517,10		96.708,1	
II	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	33.484,28	3,46	33.486,5	3,46
1	Đất trường học	22.265,78		22.265,8	
2	Đất thương mại - dịch vụ	11.218,50		11.220,7	
III	ĐẤT CÂY XANH	25.653,36	2,65	25.944,3	2,68
IV	ĐẤT GIAO THÔNG	323.249,46	33,43	323.176,8	33,42
V	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	6.239	0,65	6.239,00	0,65
	TỔNG CỘNG	967.040,99	100	967.069,5	100

(Kèm theo hồ sơ đồ án điều chỉnh kèm theo)

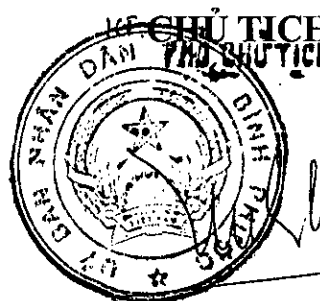
Điều 2. Các nội dung khác không điều chỉnh vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 23/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành; Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tân Khai và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- LĐVP, P.KT;
- Lưu: VT. (Trung)

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Huyền Anh Minh